

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN KINH TẾ HỌC CÓ LỜI GIẢI

Câu 1: Ba vấn đề kinh tế cơ bản của xã hội

Vì nguồn lực là khan hiếm, mọi quyết định lựa chọn trong sản xuất và tiêu dùng của các tác nhân kinh tế đều phải đảm bảo sử dụng đầy đủ và hiệu quả nguồn lực. Để sử dụng nguồn lực hiệu quả, các quyết định lựa chọn phải trả lời tốt ba câu hỏi nền tảng được gọi là ba vấn đề cơ bản của kinh tế học, đó là:

Sản xuất cái gì? Sản xuất cái gì là vấn đề cơ bản đầu tiên cần phải trả lời. Vì nguồn lực khan hiếm nên không thể dễ dàng đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội. Trong khả năng hiện có, xã hội phải lựa chọn để sản xuất một số loại hàng hóa nhất định. Việc lựa chọn loại hàng hóa, dịch vụ gì nên được ưu tiên sản xuất sẽ được căn cứ vào nhiều yếu tố, ví dụ như cầu của thị trường, khả năng về các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp, tình hình cạnh tranh, giá cả trên thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, giá cả sẽ là tín hiệu trực tiếp nhất giúp người sản xuất quyết định sản xuất cái gì.

Sản xuất như thế nào? Sau khi quyết định được loại hàng hóa, dịch vụ gì nên được sản xuất, xã hội phải trả lời câu hỏi quan trọng thứ hai là "Sản xuất như thế nào?", tức là tìm ra phương pháp, công nghệ thích hợp cho sản xuất, và sự kết hợp hợp lý và hiệu quả giữa các nguồn lực đầu vào để sản xuất ra hàng hóa được lựa chọn. Đồng thời, giải quyết vấn đề "Sản xuất như thế nào?" cũng chính là tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau: hàng hóa đó nên sản xuất ở đâu? sản xuất bao nhiêu? khi nào thì sản xuất và cung cấp? tổ chức và quản lý các khâu từ lựa chọn đầu vào đến tiêu thụ sản phẩm ra sao? Vấn đề này liên quan đến việc xác định những nguồn lực nào được sử dụng và phương pháp để sản xuất ra những sản phẩm và dịch vụ. Chẳng hạn để sản xuất ra điện, các quốc gia có thể xây dựng các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp sản xuất nào còn phải xem xét trên khía cạnh hiệu quả kinh tế - xã hội, nguồn lực và trình độ khoa học kỹ thuật của mỗi quốc gia. Trong nền kinh tế thị trường, các nhà sản xuất vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ phải tìm kiếm các nguồn lực có chi phí thấp nhất có thể (giả định với số lượng và chất lượng sản phẩm không thay đổi). Các phương pháp và kỹ thuật sản xuất mới chỉ có thể được chấp nhận khi chúng làm giảm chi phí sản xuất.

Sản xuất cho ai? (sản xuất phải hướng đến nhu cầu người tiêu dùng, phân phối đầu ra cho ai?...) Sau khi xác định được loại hàng hóa, dịch vụ nào nên được sản xuất và phương pháp sản xuất các loại sản phẩm đó, xã hội còn phải giải quyết vấn đề cơ bản thứ ba là "Sản xuất cho ai?". Câu hỏi này liên quan đến việc lựa chọn phương pháp phân phối các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ được sản xuất ra tới tay người tiêu dùng như thế nào. Tất nhiên, vì nguồn lực là khan hiếm, sẽ có cạnh tranh trong tiêu dùng và trên thị trường tự do cạnh tranh thì sản phẩm sẽ thuộc về người có khả năng thanh toán cho việc mua sản phẩm. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được chính phủ xem xét và điều tiết thông qua các chính sách về thuế, giá cả và trợ cấp, nhằm đảm bảo cho cả những người nghèo, khó khăn, có thu nhập thấp cũng được hưởng những thành quả từ nguồn lực của xã hội.

Vấn đề thứ ba này phải giải quyết đó là, "Ai sẽ nhận sản phẩm và dịch vụ?". Trong nền kinh tế thị trường, thu nhập và giá cả xác định ai sẽ nhận hàng hóa và dịch vụ cung cấp. Điều này được xác định thông qua tương tác của người mua và bán trên thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực.

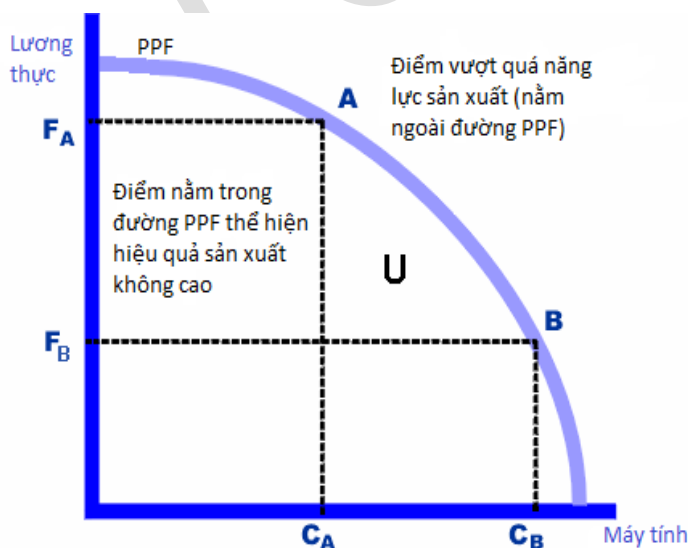
Thu nhập chính là nguồn tạo ra năng lực mua sắm của các cá nhân và phân phối thu nhập được xác định thông qua: tiền lương, tiền lãi, tiền cho thuê và lợi nhuận trên thị trường nguồn lực sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, những ai có nguồn tài nguyên, lao động, vốn và kỹ năng quản lý cao hơn sẽ nhận thu nhập cao hơn. Với thu nhập này, các cá nhân đưa ra quyết định loại và số lượng sản phẩm sẽ mua trên thị trường sản phẩm và giá cả định hướng cách thức phân bổ nguồn lực cho những ai mong muốn trả với mức giá thị trường

Câu 2: Phân tích các nguồn lực sản xuất phát triển kinh tế và đường giới hạn khả năng sản xuất của xã hội

Các Nguồn lực sản xuất phát triển kinh tế:

- + Nhân lực: Quy mô dân số- Chất lượng lao động
- + Vốn: Nhân tạo – Nhiều loại hình
- + Tài nguyên: Thiên tạo- Nhiều dạng mới
- + Khoa học công nghệ

Đường giới hạn khả năng sản xuất cho biết các kết hợp khác nhau của hai (hay nhiều loại hàng hóa) có thể được sản xuất từ một số lượng nhất định của nguồn tài nguyên (khan hiếm). Đường giới hạn khả năng sản xuất minh họa cho sự khan hiếm của nguồn tài nguyên



Đường màu xanh là đường giới hạn khả năng sản xuất. Tất cả những điểm nằm trên đường này thể hiện sản lượng đều đã đạt mức tối đa, sử dụng hết toàn bộ năng lực sẵn có của nền kinh tế. Lúc này, nảy sinh ra 2 trường hợp, trường hợp thứ nhất là điểm U, nằm trong đường giới hạn sản xuất và điểm H là điểm nằm ngoài đường PPF.

Đối với điểm U, lúc này sản lượng chưa đạt được mức tối đa, hay nói cách khác là nguồn lực chưa được sử dụng hết trong TH này. Điều này xảy ra khi có các cuộc suy thoái kinh tế, bất ổn chính trị... Biểu hiện của nền kinh tế là thất nghiệp cao, công suất máy móc thừa thãi, thậm chí nhiều DN đóng cửa.

Đối với điểm H, là điểm vượt khả năng sản xuất. Điểm này không đạt đến được do nguồn lực của quốc gia là hữu hạn.

Khi di chuyển dọc theo đường PPF, nếu sản xuất một loại hàng hóa nào nhiều hơn thì sản xuất một loại hàng hóa khác phải ít đi, sản lượng hai loại hàng hóa có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Điều này xảy ra là bởi vì để tăng sản lượng một loại hàng hóa đòi hỏi phải có sự dịch chuyển nguồn lực đầu vào để sản xuất loại hàng hóa kia.

Câu 3: Khái niệm kinh tế học? Kinh tế vĩ mô và vi mô

- Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu sự sản xuất, phân phối và tiêu dùng các loại hàng hóa và dịch vụ.

- Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô là hai bộ phận cấu thành quan trọng của môn kinh tế học, có mối quan hệ hữu cơ với nhau.

- Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế quốc gia và kinh tế toàn cầu, xem xét xu hướng phát triển và phân tích biến động một cách tổng thể, toàn diện về cấu trúc của nền kinh tế và mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế.

- Mục tiêu phân tích của kinh tế học vĩ mô nhằm giải thích giá cả bình quân, tổng việc làm, tổng thu nhập, tổng sản lượng sản xuất. Kinh tế học vĩ mô còn nghiên cứu các tác động của chính phủ như thu ngân sách, chi tiêu chính phủ, thâm hụt ngân sách lên tổng việc làm và tổng thu nhập.

Vd: kinh tế học vĩ mô nghiên cứu chi phí sống bình quân của dân cư, tổng giá trị sản xuất, thu chi ngân sách của một quốc gia.

- kinh tế học vi mô hay là kinh tế tầm nhỏ là một phân ngành chủ yếu của kinh tế học, chuyên nghiên cứu về hành vi kinh tế của các cá nhân (gồm người tiêu dùng, nhà sản xuất, hay một ngành kinh tế nào đó) theo cách riêng lẻ và biệt lập.

- Kinh tế học vi mô nghiên cứu các quyết định của các cá nhân và doanh nghiệp và các tương tác giữa các quyết định này trên thị trường. Kinh tế học vi mô giải quyết các đơn vị cụ thể của nền kinh tế và xem xét một cách chi tiết cách thức vận hành của các đơn vị kinh tế hay các phân đoạn của nền kinh tế.

Mục tiêu của kinh tế học vi mô nhằm giải thích giá và lượng của một hàng hóa cụ thể. Kinh tế học vi mô còn nghiên cứu các qui định, thuế của chính phủ tác động đến giá và lượng hàng hóa và dịch vụ cụ thể.

Vi dụ: kinh tế học vi mô nghiên cứu các yếu tố nhằm xác định giá và lượng xe hơi, đồng thời nghiên cứu các qui định và thuế của chính phủ tác động đến giá cả và sản lượng xe hơi trên thị trường.

Câu 4: Thị trường và cơ chế thị trường, cơ chế kinh tế của Việt Nam hiện nay

+ Thị trường là tập hợp các thỏa thuận thông qua đó người bán và người mua tiếp cận nhau để mua bán hàng hóa và dịch vụ

+ Cơ chế thị trường là tổng thể các yếu tố cung, cầu, giá cả và thị trường cùng các mối quan hệ cơ bản vận động dưới sự điều tiết của các quy luật thị trường trong môi trường cạnh tranh nhằm mục tiêu duy nhất là lợi nhuận.

Cơ chế thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hoạt động trong môi trường của sự đa dạng các quan hệ sở hữu, trong đó chế độ công hữu giữ vai trò là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tính định hướng XHCN đòi hỏi trong khi phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần phải củng cố và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế có khả năng điều tiết, hướng dẫn sự phát triển của các thành phần kinh tế khác. Kinh tế nhà nước phải được củng cố và phát triển ở các vị trí then chốt của nền kinh tế, ở lĩnh vực an ninh - quốc phòng, ở các lĩnh vực dịch vụ xã hội cần thiết... mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư vì không sinh lời hoặc ít lãi.

Câu 5. Cơ chế kinh tế là gì? Đặc điểm của các loại hình cơ chế kinh tế

Khái niệm:

Là toàn bộ hệ thống những tác động có ý thức và có tổ chức của con người đến KINH TẾ vĩ mô và vi mô. Phản ánh đúng quy luật KINH TẾ khách quan. Đảm bảo nền KINH TẾ vận hành theo định hướng mục tiêu đã xđinh.

Đặc điểm của các loại hình cơ chế kinh tế ?

Cơ chế mệnh lệnh (hay còn gọi là cơ chế kế hoạch hóa tập trung)

Nhà nước quản lý nền KINH TẾ chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết từ trên xuống dưới.

Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hđộng sxuat, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Quan hệ hàng hóa-tiền tệ bị coi nhẹ.

Bộ máy qly công kênh, nhiều trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ qly kém năng lực, phong cách của quyền, quan liêu.

CN hóa theo mô hình nền KINH TẾ khép kín, hướng nội và thiên về ptriển CN nặng, gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

Chủ yếu dựa vào lợi thế về LĐ, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN.

Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, ko qtam đến hiệu quả KINH TẾXH.

Cơ chế thị trường

Việc phân bổ sử dụng các nguồn tài nguyên, nguyên liệu đầu vào về cơ bản được giải quyết theo quy luật của kinh tế thị trường mà cốt lõi là quy luật cung cầu.

Các mối quan hệ kinh tế thị trường đều được tiền tệ hoá.

Động lực chính phát triển kinh tế là lợi nhuận thu được.

Việc sản xuất kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm do hai phía cung và cầu quyết định.

Môi trường, động lực, phương tiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển là cạnh tranh.

Nhà sản xuất là nhân vật trung tâm và khách hàng chi phối người bán trên thị trường.

Có sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội.

Có bất cập cần có sự điều tiết của nhà nước như môi trường, khủng hoảng và nhiều vấn đề xã hội.

Có xu hướng phát triển kinh tế mang tính hội nhập khu vực và quốc tế

Cơ chế hỗn hợp?

Thị trường tự do cho phép các cá nhân theo đuổi lợi ích riêng của mình mà không có sự can thiệp khống chế nào của Chính phủ. Kinh tế mệnh lệnh để cho tự do cá nhân về kinh tế một phạm vi rất hẹp, vì hầu hết các quyết định đều do Chính phủ đưa ra. Giữa hai thái cực đó là khu vực kinh tế hỗn hợp.

Trong một nền kinh tế hỗn hợp, khu vực nhà nước và khu vực tư nhân tương tác với nhau trong việc giải quyết các vấn đề cơ bản của nền kinh tế. Chính phủ kiểm soát một phần đáng kể của sản lượng thông qua việc đánh thuế, thanh toán chuyển giao cung cấp các hàng hóa và dịch vụ như lực lượng vũ trang, cảnh sát. Chính phủ cũng điều tiết mức độ theo đuổi lợi ích cá nhân.

Trong cơ chế hỗn hợp, Chính phủ cũng có thể đóng vai trò là nhà sản xuất các hàng hóa tư nhân thông qua các doanh nghiệp có vốn chi phối của nhà nước.

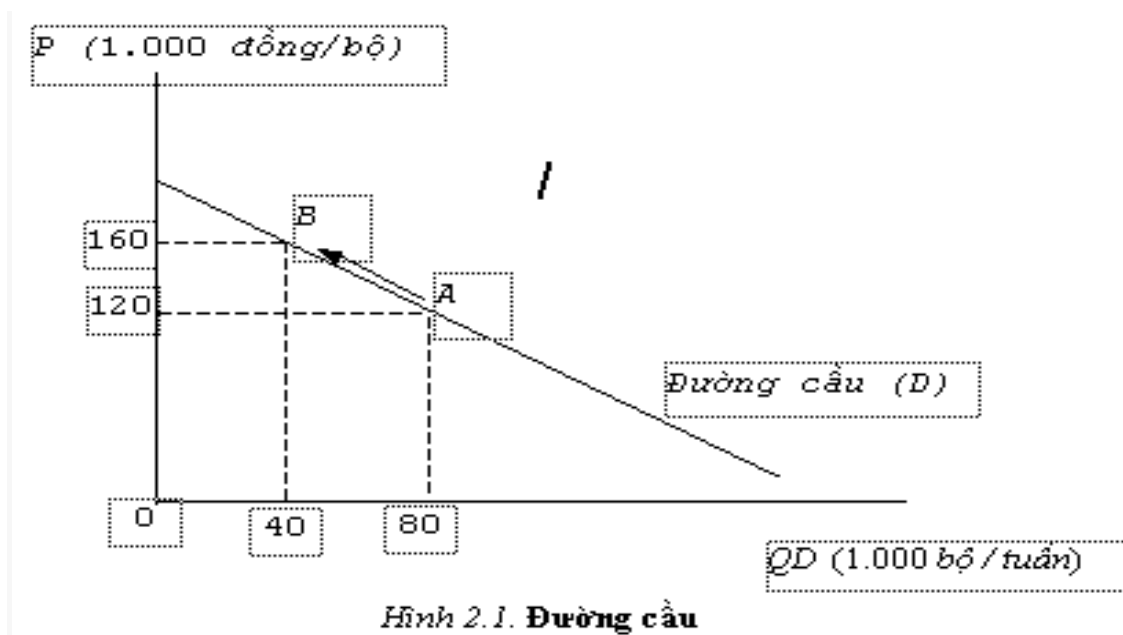
Câu 6. Phân tích cầu: khái niệm, đồ thị, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu và sự co giãn của cầu

Khái niệm:

Cầu (của người mua) đối với một loại hàng hóa nào đó là số lượng của loại hàng hóa đó mà người mua muốn mua tại mỗi mức giá chấp nhận được trong một thời gian nhất định nào đó tại một địa điểm nhất định

Số lượng của một loại hàng hóa nào đó mà người mua muốn mua ứng với một mức giá nhất định được gọi là lượng cầu của hàng hóa đó tại mức giá đó.

Đồ thị:



Hình 2.1. Đường cầu

Đường cầu thường có hướng dốc xuống từ trái sang phải vì khi giá cả tăng lên số cầu giảm đi.

Đường cầu không nhất thiết là một đường thẳng

Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu

Thu nhập của người tiêu dùng

Giá cả của hàng hóa có liên quan

Giá hàng hóa thay thế

Giá hàng hóa bổ sung

Giá cả của chính loại hàng hóa đó trong tương lai

Thị hiếu của người tiêu dùng

Quy mô thị trường:

Các yếu tố khác

Sự co giãn của cầu?

Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ số co giãn của cầu theo giá

Tính thay thế của hàng hóa: Một hàng hóa càng dễ bị thay thế bởi (những) hàng hóa khác sẽ có hệ số co giãn càng cao và ngược lại

Mức độ thiết yếu của hàng hóa.

Hàng hóa thiết yếu (co giãn ít)

Hàng hóa xa xỉ (co giãn ít)

Tỷ trọng trong tổng số chi tiêu (tỷ trọng nhỏ → co giãn ít)

Vị trí của điểm tiêu thụ trên đường cầu

Tính thời gian qua một thời gian dài hầu hết các sản phẩm sẽ có độ co giãn cao hơn. Vd: giá xăng tăng → cầu giảm chút ít trong vài tháng đầu nh về dài, ngta sẽ chuyển sang nh loại ptien tkiem hơn → trong tgian dài, cầu giảm đáng kể.

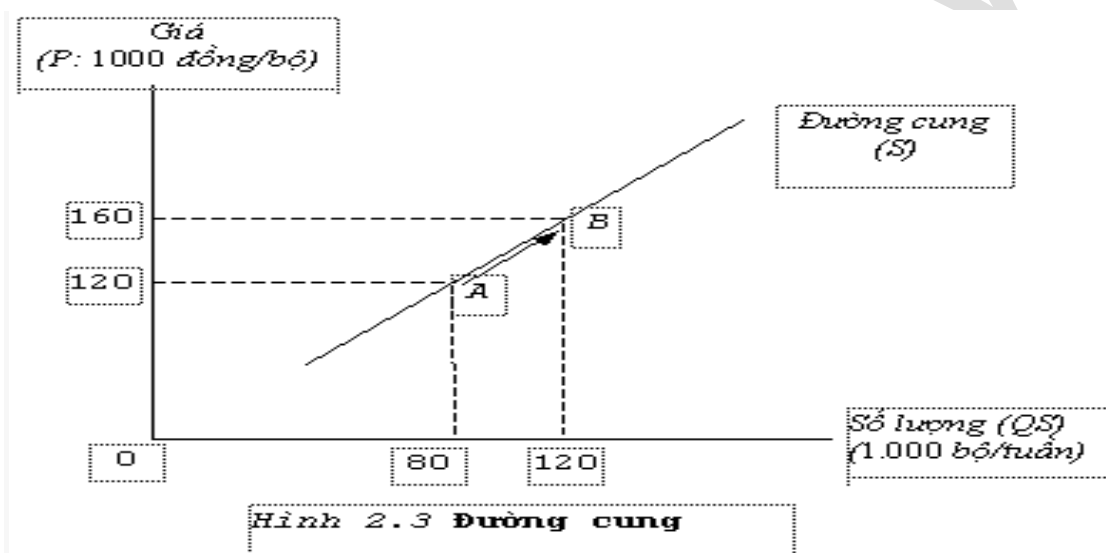
Phạm vi thị trường: thị trường có pvi hẹp → cầu giãn mạnh (do dễ dàng tìm đc hàng hóaóa thay thế cho những hàng hóaóa có phạm vi hẹp) và ngược lại.

Câu 7. Phân tích cung: Khái niệm, đồ thị, các yếu tố ảnh hưởng đến cung và sự co giãn về cung

Khái niệm:

Cung của một loại hàng hóa nào đó chính là số lượng của loại hàng hóa đó mà người bán muốn bán ra thị trường trong một khoảng thời gian nhất định ứng với mỗi mức giá tại một địa điểm nhất định nào đó

Đồ thị:



Đường cung thường có hướng dốc lên từ trái sang phải;

Đường cung không nhất thiết là một đường thẳng

Các yếu tố ảnh hưởng đến cung:

Trình độ công nghệ được sử dụng (công nghệ hđại → sx lớn → cung tăng)

Giá cả của các yếu tố đầu vào

Giá cả của mặt hàng đó trong tương lai (dự báo)

Chính sách thuế và các quy định của chính phủ

Điều kiện tự nhiên và các yếu tố khách quan khác

Sự co giãn về cung?

Về nguyên tắc, khi những người sản xuất có thể dễ dàng điều chỉnh các yếu tố đầu vào để thay đổi sản lượng phù hợp với sự thay đổi của giá cả, đường cung sẽ tương đối thoải, và độ co giãn của cung sẽ lớn. Khi sự điều chỉnh này khó khăn, đường cung sẽ tương đối dốc đứng, và độ co giãn của cung sẽ nhỏ.)

Câu 8: Thị trường cạnh tranh hoàn hảo: khái niệm, đặc điểm và điều kiện tồn tại

Khái niệm:

Thị trường cạnh tranh hoàn hảo là dạng thị trường mà ở đó mỗi người bán hay mỗi doanh nghiệp riêng biệt không có khả năng kiểm soát, chi phối giá cả hàng hóa. Tại thị trường này, doanh nghiệp chỉ là người chấp nhận giá. Mức giá trên thị trường được hình thành như là kết quả tương tác chung của tất cả những người bán và người mua. Mỗi doanh nghiệp cụ thể, bằng hành vi riêng biệt của mình, không có khả năng tác động đến mức giá này → mục tiêu của mọi chphủ.

Đặc điểm:

- + Sản phẩm đồng nhất: sp các ngành phải đđi đồng nhất và tính giá như nhau, để cho sp của các dnghiep có thể thay thế hoàn hảo như nhau.
- + Số lượng dnghiep trong ngành đủ lớn sao cho sản lượng của mỗi dnghiep là ko đáng kể so với cả ngành chung.
- + Dễ dàng gia nhập và rời bỏ ngành: Việc gia nhập hay rút khỏi ngành nào đó không bị ràng buộc bởi bất kỳ một luật lệ nào sao cho ko có sự cấu kết của các dnghiep hiện hành.
- + Thông tin thị trường hoàn hảo: thtin về clượng sp sao cho ng` mua nhận thấy nh sp giống nhau của các dnghiep khác nhau thsự là như nhau.

Điều kiện tồn tại:

- *Có nhiều doanh nghiệp cùng hoạt động trên thị trường*, trong đó mỗi doanh nghiệp chỉ có quy mô tương đối nhỏ so với quy mô chung của thị trường.
- *Tính đồng nhất của sản phẩm*: để thị trường là thị trường cạnh tranh hoàn hảo, sản phẩm của các doanh nghiệp phải giống hệt nhau. Chỉ trong điều kiện như vậy, doanh nghiệp mới thực sự là người chấp nhận giá.
- *Tính hoàn hảo của thông tin*: thông tin được coi là hoàn hảo khi những người mua và bán trên thị trường có đầy đủ những thông tin cần thiết có liên quan đến thị trường. Đó là những thông tin về giá cả, về hàng hóa (tính năng, tác dụng, chất lượng, quy cách sử dụng...), về các điều kiện giao dịch.
- *Các doanh nghiệp có khả năng tự do xuất, nhập ngành* (tự do tham gia vào ngành và tự do rút lui khỏi ngành).

Các điều kiện trên phải xuất hiện đồng thời thì thị trường cạnh tranh hoàn hảo mới xuất hiện và tồn tại. Khi một trong các điều kiện trên bị vi phạm, thị trường sẽ không còn là thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

Câu 9: Ưu thế và khuyết tật của thị trường, vai trò kinh tế của Nhà nước.

Những ưu thế của nền kinh tế thị trường:

Thúc đẩy sản xuất và gắn sản xuất với tiêu dùng- thực hiện mục tiêu của sản xuất. Do đó người sản xuất tìm mọi cách rút ngắn chu kỳ sản xuất, thực hiện tái sản xuất mở rộng, áp dụng nhanh chóng những thành tựu khoa học- công nghệ, quay nhanh tiền vốn, đạt tới lợi nhuận tối đa.

Thúc đẩy và đòi hỏi các nhà sản xuất năng động, thích nghi với các điều kiện biến động của thị trường. Thay đổi mẫu mã sản xuất, tìm mặt hàng mới và thị trường tiêu thụ, mở rộng quan hệ trong kinh doanh.

Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học- công nghệ đưa vào sản xuất, kích thích tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ xã hội hoá sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của khách hàng và của thị trường.

Thúc đẩy quá trình tăng trưởng dồi dào sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, thúc đẩy và kích thích sản xuất hàng hoá phát triển, đề cao trách nhiệm của nhà kinh doanh với khách hàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung sản xuất. Tích tụ và tập trung sản xuất là hai con đường để mở rộng quy mô sản xuất. Một mặt, các đơn vị chủ thể sản xuất kinh doanh phải làm ăn giỏi, có hiệu quả cao cho phép tích tụ. Mặt khác, do quá trình cạnh tranh làm cho sản xuất đổ tập trung vào các đơn vị kinh tế có chỗ đứng trên thị trường, đồng thời loại bỏ những đơn vị làm ăn kém hiệu quả.

Khuyết tật của nền kinh tế thị trường:

Nền kinh tế thị trường mang tính tự phát, tìm kiếm lợi nhuận bất kỳ giá nào, không đi đúng hướng của kế hoạch Nhà nước, mục tiêu về phát triển kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Tính tự phát của thị trường còn dẫn đến tập trung hoá cao, sinh ra độc quyền, thủ tiêu cạnh tranh, làm giảm hiệu quả chung và tính tự điều chỉnh của nền kinh tế.

Dẫn đến tình trạng phân hoá đời sống nhân dân, phân hoá giàu nghèo, dẫn đến khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp, lạm phát.

Xã hội phát sinh nhiều tiêu cực, tệ nạn xã hội gắn liền với hiện trạng kinh tế sa sút, gây rối loạn xã hội.

Vì chạy theo lợi nhuận tối đa dẫn đến sử dụng bừa bãi, tàn phá tài nguyên và huỷ diệt môi trường, sinh thái.

Vai trò của kinh tế nhà nước:

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta có những chức năng kinh tế sau đây:

Bảo đảm sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội và thiết lập khuôn khổ luật pháp để tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động kinh tế. Nhà nước còn phải tạo ra hành lang luật pháp cho hoạt động kinh tế bằng cách đặt ra các điều luật cơ bản về quyền sở hữu tài sản và hoạt động thị trường, đặt ra những quy định chi tiết cho hoạt động của các doanh nghiệp. Khuôn khổ luật pháp mà Nhà nước thiết lập có tác động sâu sắc tới các hành vi của các chủ thể kinh tế, điều chỉnh hành vi kinh tế của họ.

Định hướng cho sự phát triển kinh tế và thực hiện điều tiết các hoạt động kinh tế để bảo đảm cho nền kinh tế thị trường tăng trưởng ổn định. Nhà nước xây dựng các chiến lược và quy hoạch phát triển, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. Nền kinh tế thị trường khó tránh khỏi những chấn động bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế và lạm phát, Nhà nước phải sử dụng chính sách tài chính và chính sách tiền tệ để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

Bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả. Các doanh nghiệp vì lợi ích hẹp hòi của mình có thể lạm dụng tài nguyên của xã hội, gây ô nhiễm môi trường sống của con người. Vì vậy, Nhà nước phải thực hiện những biện pháp nhằm ngăn chặn những tác động bên ngoài để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội. Sự xuất hiện độc quyền cũng làm giảm tính hiệu quả của hoạt động thị trường, vì vậy Nhà nước có nhiệm vụ rất cơ bản là bảo vệ cạnh tranh và chống độc quyền để nâng cao tính hiệu quả của hoạt động thị trường.

Hạn chế, khắc phục các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, thực hiện công bằng xã hội. Sự tác động của cơ chế thị trường có thể đưa lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng nó không tự động mang lại những giá trị mà xã hội cố gắng vươn tới, không tự động đưa đến sự phân phối thu nhập công bằng. Nhà nước thực hiện phân phối thu nhập quốc dân một cách công bằng, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, với tiến bộ và công bằng xã hội. Điều này thể hiện rõ rệt nhất tính định hướng xã hội của nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Câu 10: Phân tích các mục tiêu và chính sách kinh tế vĩ mô

Mục tiêu kinh tế vĩ mô (5)

Mục tiêu sản lượng (cao, ổn định, bền vững)

Đạt mức sản lượng cao tương ứng với mức sản lượng tiềm năng. Để đạt được điều này thì nền kinh tế phải tận dụng và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực

Tốc độ tăng trưởng cao và vững chắc.

Mục tiêu việc làm

Tạo ra nhiều việc làm tốt, hoàn thiện thị trường lao động

Hạ thấp được tỷ lệ thất nghiệp và duy trì tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

Tăng cường phúc lợi của người lao động

Mục tiêu ổn định giá cả:

Kiểm chế lạm phát

Chống giảm phát

Mục tiêu kinh tế đối ngoại

Ổn định tỷ giá hối đoái

Cân bằng cán cân thanh toán.

Chính sách kinh tế vĩ mô:

Chính sách tài khoá: Chính sách tài khoá nhằm điều chỉnh thu nhập và chi tiêu của Chính phủ nhằm hướng nền kinh tế vào một mức sản lượng và việc làm mong muốn. Chính sách tài khoá có hai công cụ chủ yếu đó là chi tiêu của Chính phủ và thuế.

Chi tiêu của Chính phủ (bảo hiểm xã hội; y tế; giáo dục; an ninh quốc phòng; chi đầu tư) có ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu công cộng → tác động trực tiếp đến tổng cầu và sản lượng.

Thuế (thu nhập cá nhân; kinh doanh; tiêu dùng; tài sản) làm giảm các khoản thu nhập → giảm chi tiêu của khu vực tư nhân → tác động đến tổng cầu và sản lượng. Thuế cũng có thể tác động đến đầu tư và sản lượng về mặt dài hạn.

Trong ngắn hạn 1 đến 2 năm chính sách tài khoá có tác động đến sản lượng thực tế và lạm phát phù hợp với các mục tiêu ổn định nền kinh tế. Về mặt dài hạn chính sách tài khoá có thể có tác dụng điều chỉnh cơ cấu kinh tế giúp cho sự tăng trưởng và phát triển lâu dài.

Chính sách tiền tệ: Chính sách tiền tệ chủ yếu nhằm tác động đến đầu tư tư nhân, hướng nền kinh tế vào mức sản lượng và việc làm mong muốn. Chính sách tiền tệ có hai công cụ chủ yếu là kiểm soát mức cung tiền và kiểm soát lãi suất. Khi NHTW thay đổi lượng cung tiền → lãi suất sẽ tăng hoặc giảm tác động đến đầu tư tư nhân → ảnh hưởng đến tổng cầu và sản lượng. Chính sách tiền tệ có tác động lớn đến GNP về cả mặt ngắn hạn và dài hạn. Các công cụ của chính sách tiền tệ bao gồm: dự trữ bắt buộc; lãi suất chiết khấu và nghiệp vụ thị trường mở (mua bán các gò có giá trị trên thị trường tiền tệ)

Chính sách kinh tế đối ngoại: Chính sách kinh tế đối ngoại trong các nước có thị trường mở nhằm ổn định tỷ giá hối đoái, và giữ cho thâm hụt cán cân thanh toán ở mức có thể chấp nhận được. Chính sách này bao gồm các biện pháp giữ cho thị trường hối đoái cân bằng, các quy định về hàng rào thuế quan, bảo hộ mậu dịch và cả những biện pháp tài chính tiền tệ khác, có tác động vào hoạt động xuất nhập khẩu.

Câu 11: GDP và GNP: khái niệm và sự khác biệt

Định nghĩa

Trong kinh tế học, Tổng Sản Phẩm Nội Địa hay GDP (viết tắt của Gross Domestic Product) là giá trị tính bằng tiền của tất cả sản phẩm và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm. Khi áp dụng cho phạm vi toàn quốc gia, nó còn được gọi là tổng sản phẩm quốc nội. GDP là một trong những chỉ số cơ bản để đánh giá sự phát triển kinh tế của một vùng lãnh thổ nào đó.

GNP (viết tắt cho Gross National Product bằng tiếng Anh) tức Tổng Sản Lượng Quốc Gia hay Tổng Sản Phẩm Quốc Dân là một chỉ tiêu kinh tế đánh giá sự phát triển kinh tế của một đất nước nó được tính là tổng giá trị bằng tiền của các sản phẩm cuối cùng và dịch vụ mà công dân của một nước làm ra trong một khoảng thời gian nào đó, thông thường là một năm tài chính, không kể làm ra ở đâu (trong hay ngoài nước).

So sánh hai khái niệm:

Để dễ hiểu hơn, ta có thể lấy ví dụ như sau: Một nhà máy sản xuất đồ ăn nhanh đặt tại Việt Nam do công dân Mỹ đầu tư để tiêu thụ nội địa. Khi đó mọi thu nhập từ nhà máy này sau khi bán hàng được tính vào GDP của Việt Nam, tuy nhiên lợi nhuận ròng thu được (sau khi khấu trừ thuế phải nộp và trích nộp các quỹ phúc lợi) cũng như lương của các công nhân Mỹ đang làm việc trong nhà máy được tính là một bộ phận trong GNP của Mỹ.

Những gì người công nhân ở Việt Nam làm ra thì được tính vào GDP của Việt Nam. Nhưng nếu người đó đi xuất ngoại lao động thì số tiền người đó dành dụm được gửi về

cho gia đình sẽ được tính vào GNP chứ không vào GDP vì đó là số tiền làm ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Số tiền các Việt kiều gửi về nước được tính vào GNP hay các viện trợ cho không, không phải hoàn lại của các nước cho Việt Nam được tính vào GNP, mà không tính vào GDP.

Cách tính

GDP

Theo cách tính GDP là tổng tiêu dùng, các nhà kinh tế học đưa ra một công thức như sau:

$$GDP = C + I + G + NX$$

Trong đó:

- * C là hệ số tiêu dùng của tất cả các cá nhân (hộ gia đình) trong nền kinh tế.
- * I là hệ số đầu tư của các nhà kinh doanh vào cơ sở kinh doanh.
- * G là tổng chi tiêu của chính quyền (tiêu dùng của chính quyền).
- * NX là "xuất khẩu ròng" của nền kinh tế = xuất khẩu - nhập khẩu

GNP

Công thức tính tổng sản phẩm quốc gia dưới đây dựa trên cơ sở tiếp cận từ khái niệm chi tiêu.

$$GNP = C + I + G + (X - M) + NR$$

Trong đó:

- * C = Chi phí tiêu dùng cá nhân
- * I = Tổng đầu tư cá nhân quốc nội
- * G = Chi phí tiêu dùng của nhà nước
- * X = Kim ngạch xuất khẩu ròng các hàng hóa và dịch vụ
- * M = Kim ngạch nhập khẩu ròng của hàng hóa và dịch vụ
- * NR = Thu nhập ròng từ các tài sản ở nước ngoài (thu nhập ròng)

Câu 11. Tổng cầu và những yếu tố ảnh hưởng đến tổng cầu

Tổng cầu (AD) là toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ mà 1 nền kinh tế muốn mua ở mỗi 1 mặt bằng giá nđịnh

Trong nền kinh tế giản đơn thì tổng cầu bao gồm 4 nhân tố: Hàm $AD = C + I$

C: hệ số tiêu dùng của các hộ gia đình

I: hệ số đầu tư của doanh nghiệp

Các yếu tố ảnh hưởng đến tổng cầu

Thu nhập của nền kinh tế

Giá cả hàng hóa

Sức mua của thị trường (ảnh hưởng bởi cả quy mô dân số, chủng loại hàng hóa, tính chất bão hòa của thị trường...)

Năng lực và kì vọng của nhà sản xuất

Các lực lượng bên ngoài

Chi tiêu công

Câu 12. Tổng cung và những yếu tố ảnh hưởng đến tổng cung. (AS)

Tổng cung là toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà 1 nền kinh tế sẵn sàng cung ứng tại mỗi mặt bằng giá nhất định.

Các yếu tố ảnh hưởng đến tổng cung.

tăng trưởng nội tại của doanh nghiệp: tăng trưởng tốt → AS tăng kỳ vọng lợi nhuận:

sự phát triển của khoa học công nghệ: khoa học công nghệ hiện đại → sp mới → khối lượng sp tăng chính sách của chính phủ.

Câu 13: Tiền và các chức năng của tiền.

Tiền: là bất cứ phương tiện nào được sử dụng trong thanh toán.

Chức năng của tiền:

Trao đổi: Tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện trao đổi khi tiền tệ môi giới cho quá trình trao đổi hàng hóa. tạo thuận lợi cho quá trình lưu thông hàng hóa

Công nhân trao đổi các dịch vụ lao động để lấy tiền. Mọi người mua hoặc bán hàng thông qua trao đổi tiền. Chúng ta nhận đồng tiền không phải để trực tiếp tiêu dùng nó mà vì về sau có thể đem dùng nó để mua những thứ mà chúng ta thực sự muốn tiêu dùng. Tiền là phương tiện qua đó người ta trao đổi hàng hóa và dịch vụ.

Thước đo giá trị: Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi tiền tệ đo lường và biểu hiện giá trị của các hàng hóa khác.

Trong một nền kinh tế với 1 triệu loại hàng hóa khác nhau khi so sánh giá trị trao đổi của mỗi hai loại hàng hóa một sẽ có vào khoảng 500 tỉ giá tương đối khác nhau

(thí dụ: 1 giờ lao động = 5 bánh mì; 1 giờ lao động = 1 cái áo; 1 giờ lao động = 1 kg thịt; 5 bánh mì = 1 cái áo; 1 cái áo = 1 kg thịt,...). Khi sử dụng tiền như là một chuẩn mực giá trị chung thì chỉ còn 1 triệu tỷ lệ trao đổi (5 đơn vị tiền = 1 giờ lao động = 5 bánh mì = 1 cái áo = 1 kg thịt =...), vì thế mà khi so sánh giá cả không còn phải tốn nhiều công sức nữa.

Tích lũy: Tiền tệ chấp hành chức năng phương tiện tích lũy khi tiền tệ tạm thời rút khỏi lưu thông, trở vào trạng thái tĩnh, chuẩn bị cho nhu cầu chi dùng trong tương lai.

Thanh toán: quá trình lưu thông hàng hóa phát triển, ngoài quan hệ hàng hóa-tiền tệ, còn phát sinh những nhu cầu vay mượn, thuế khóa, nộp địa tô... bằng tiền. Trong những trường hợp này, tiền tệ chấp nhận chức năng thanh toán.

Một thí dụ: Một người nông dân muốn bán ngũ cốc và cần dụng cụ. Một thợ thủ công muốn đổi dụng cụ để lấy thịt. Giữa 2 người này sẽ không bao giờ có một cuộc mua bán trao đổi vì ý định bán của người nông dân không phù hợp với ý định mua của người thợ thủ công. Cả hai người có thể phải tìm kiếm rất lâu cho đến khi gặp được một người có ý

định giao dịch phù hợp. Cùng với tiền quá trình này được đơn giản hóa đi rất nhiều: Người nông dân có thể bán ngũ cốc cho một người thứ ba và dùng tiền thu được để đổi lấy dụng cụ tại người thợ thủ công. Người thợ thủ công có thể dùng tiền thu được mua thịt tại một người thứ tư.

Câu 14: Cung về tiền và cầu về tiền.

Cầu về tiền: là lượng tiền mà mn muốn nắm giữ. (Md)

Cầu giao dịch: số tiền cần để mua hàng hóa và dịch vụ.

Cầu dự phòng: tiền đáp ứng nhu cầu cấp bách, không dự kiến.

Cầu đầu cơ: tiền cần giữ cho kỳ vọng cho thị trường tài chính trong tương lai.

Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu tiền (Md).

Thu nhập thực tế tăng thì nhu cầu chi tiêu tăng và người ta muốn nắm giữ nhiều tiền hơn.

Lãi suất danh nghĩa tăng thì chi phí cơ hội của việc giữ tiền tăng => mọi người nắm giữ ít tiền (tài sản không sinh lãi) và nắm giữ nhiều tài sản sinh lãi hơn.

Nếu giá cả tăng thì mọi người cần giữ nhiều tiền hơn để chi tiêu => lượng tiền cần nắm giữ nhiều hơn.

Cung về tiền (Ms): là số tiền được đưa vào lưu thông.

Các khối tiền:

+ tiền mặt (H):

+ Tiền hẹp: $M1 = \text{tiền ngân hàng} + \text{tiền mặt ngoài ngân hàng}$

+ Tiền rộng: $M2 = M1 + \text{các khoản nhanh chóng chuyển thành tiền (các quyển sổ tiết kiệm thời hạn ngắn, trái phiếu kì hạn ngắn..)}$

$M3 = M2 + \text{các khoản chuyển thành tiền chậm, mất giá trị (các khoản gửi ngân hàng dài hạn, trái phiếu dài hạn...)}$

$M4 = M3 + \text{Các khoản có thể chuyển thành tiền (bất động sản, KL quý, ngoại tệ.)}$

Các yếu tố ảnh hưởng đến cung tiền Ms.

+ tăng trưởng kinh tế.

+ chính sách tiền tệ.

Cân bằng của thị trường tiền tệ: $M_s = M_d$

Câu 15. Chính sách tiền tệ: Mục tiêu và công cụ?

Mục tiêu

Ổn định và phát triển thị trường tiền tệ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (điều chỉnh lãi suất → điều chỉnh dòng tiền trong thị trường → ổn định lạm phát, ổn định kinh tế → giảm thiểu khủng hoảng; cân bằng giữa đầu tư và ngân quỹ tkiệm của nhà nước.

Đảm bảo giá trị đồng nội tệ: Chính sách tiền tệ tăng giảm lượng cung tiền ra ngoài thị trường. Khi đồng nội tệ mất giá so vs đồng tiền nc ngoài hoặc tỉ giá hối đoái tăng quá cao → điều chỉnh lượng cung tiền → đảm bảo giá trị đồng nội tệ.

Ổn định thị trường ngoại hối: đbảo lãi suất đầu tư k tăng quá cao hoặc k giảm quá mạnh. Nếu lãi suất đầu tư tăng → đầu tư từ nước ngoài tăng → lượng cầu tiền nhiều hơn khiến tỉ giá hối đoái tăng → nền kinh tế phải tự điều chỉnh hoặc thqua csách tiền tệ để đchỉnh, ổn định thị trường.

Công cụ

Dự trữ bắt buộc: Các cquan hữu trách về tiền tệ thường quy định các NH phải gửi một phần tsản tại chỗ mình. Khi cần triển khai csách tiền tệ, cquan hữu trách về tiền tệ có thể thay đổi quy định về mức gửi tsản đó. Nếu mức gửi tăng lên như khi thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, thì lượng tiền mà các NH còn nắm giữ sẽ giảm đi. Do đó, tiền cơ sở giảm đi, và lượng cung tiền trên thị trường cũng giảm đi.

Lãi suất chiết khấu: Cơ quan hữu trách về tiền tệ có thể thay đổi lãi suất mà mình cho các NH vay, thông qua đó điều chỉnh lượng tiền cơ sở. Khi lượng tiền cơ sở thay đổi, thì lượng cung tiền cũng thay đổi theo. vì $MS = \text{số nhân tiền} * MB$ mà $MB = C + R$ với C là lượng tiền mặt và R là lượng tiền dự trữ trong các ngân hàng, khi lãi suất chiết khấu tăng sẽ làm cho lượng tiền mà các ngân hàng thu được từ việc NHTW chiết khấu các chứng từ có giá giảm xuống, khả năng cho vay của các ngân hàng giảm sút làm tổng cung tiền giảm

Nghiệp vụ thị trường mở: Cơ quan hữu trách tiền tệ khi mua vào các loại công trái và giấy tờ có giá khác của nhà nước đã làm tăng lượng tiền cơ sở. Hoặc khi bán ra các giấy tờ có giá đó sẽ làm giảm lượng tiền cơ sở. Qua đó, cơ quan hữu trách tiền tệ có thể điều chỉnh được lượng cung tiền.